TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HS-PT
Ngày: 30-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Quế
Các Thẩm phán: Ông Trịnh Xuân Miễn
Ông Hồ Minh Tấn

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Hải Sơn, là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

- Người hỗ trợ tại điểm cầu thành phần: Bà Dương Kim Yến, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm là phòng xét xử số 1 của Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau và điểm cầu thành phần là Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau, Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 155/2023/TLPT-HS ngày 27 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo Bùi Ngọc Đ và Lê Qui X do có kháng cáo của các bị cáo và của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 186/2023/HS-ST ngày 08/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

1. Bùi Ngọc Đ, sinh năm 1991 tại Cà Mau; nơi cư trú: Ấp G, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau; chỗ ở hiện nay: Ấp Tân Hóa, xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: kinh; giới T2: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Th và bà Tạ Thị Th1; chồng tên Lê Văn T và có 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại có mặt.

2. Lê Qui X (tên gọi khác Đ1), sinh ngày 11/8/2005 (T2 đến ngày thực hiện hành vi phạm tội (06/01/2023), X có độ tuổi từ 16 tuổi 10 tháng đến 17 tuổi 04 tháng), tại Cà Mau; nơi cư trú: Ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới T2: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Th2 và bà Đỗ Mỹ D; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Ông Lê Văn Th2, sinh năm 1981 và bà Đỗ Mỹ D, sinh năm 1978 (cha mẹ của bị cáo X, có mặt)

Cùng nơi cư trú: Ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị hại: Ông Lương Văn T2, sinh năm 1955 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp G, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Lương Mắt L, sinh năm 1992 (con của bị hại Lương Văn T2)

Nơi cư trú: Ấp G, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau

- *Người bào chữa cho bị cáo X*: Ông Ngô Đức Bính, là Trợ giúp viên pháp lý Th2 Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 06/01/2023, Bùi Ngọc Đ cùng chồng là Lê Văn T uống rượu cùng với ông Võ Văn B, ông Lương Văn T2 tại nhà của ông Bé thuộc ấp G, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Trong lúc uống rượu, giữa T và ông T2 xảy ra mâu thuẫn, cự cãi với nhau nên Lương Mắt L là con ông T2 đến kêu và đưa ông T2 đi về nhà. Do tức giận việc ông T2 chửi tục, thách thức đánh T, nên Đ lấy điện thoại của T gọi điện cho Phạm Hải Đ1 nói "tao và út T chuẩn bị đụng chuyện mày kêu mấy thằng nhóc chạy vô tiếp". Sau đó, Đ1 gọi messenger cho Nguyễn A Q, Nguyễn Chí Ng và Lê Qui X nói "vợ chồng út T đụng chuyện rồi, chạy vào xem sao".

Đến 16 giờ 30 phút cùng ngày, Q chở Ng và X đến nhà ông B. Tại đây, Đ kể lại sự việc mâu thuẫn cho nhóm của Ng nghe nhưng T kêu cả ba đi về thì Ng cùng Q lên xe đi về, còn X thì bị Đ giữ lại và nói "mày ở lại đi đánh thằng này với tao" thì X đồng ý. Lúc này, T chạy xe đi đến nhà ông T2 thì gặp L nên dừng lại nói chuyện, ông T2 ở trong nhà chửi T và đi ra dùng tay đánh T, T cũng dùng tay đánh lại. Sau đó, Đ và X đi bộ đến thấy ông T2 cầm cây búa đuổi theo đánh T nên X bỏ chạy trước về hướng nhà ông Bé, T chạy theo sau. Khi đến bờ vuông nhà ông Nguyễn Văn Tr, ông T2 bị té ngã kéo theo T cùng té, T nằm dưới còn ông T2 nằm trên, cả hai cùng câu giật giành nhau cây búa. Thấy vậy, Đ và X nhặt đoạn cây gỗ bên đường cùng nhau đánh nhiều cái vào đầu, mông của ông T2. Lúc này, L chạy đến thì X quay ra đánh L, L giật lấy đoạn cây của X và cả hai câu vật với nhau dưới đường lộ. Sự việc được mọi người can ngăn, lấy đoạn gỗ mà Đ dùng đánh ông T2, riêng T giật được cây búa của ông T2 nên cầm về nhà cha mẹ vợ. Đối với ông T2 được đưa đến bệnh viện điều trị vết thương còn L đi đến Công an xã Hòa Tân trình báo sự việc và nhập viện điều trị vết thương từ ngày 07/01/2023 đến ngày 11/01/2023, thì ra viện cùng với ông T2.

Tang vật thu giữ gồm: 01 (một) cây búa dài 50cm, cán búa bằng gỗ, lưỡi búa bằng sắt, bén và 01 (một) đoạn cây gỗ dài 01m 90, riêng đoạn cây mà X dùng đánh ông T2 không thu hồi được.

Tại Bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 49/KLTTCT-TTPY ngày 21/3/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh Cà Mau đối với Lương Văn T2, kết luận: 01 vết sẹo vùng trán trái, kích thước 1,5cm x 01cm, do vật tày hoặc vật tày có cạnh gây ra; 01 vết sẹo vùng đỉnh trái, kích thước 03cm x 0,3cm, do vật tày hoặc vật tày có cạnh gây ra. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 04%.

Tại Bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 50/KLTTCT-TTPY ngày 21/3/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh Cà Mau đối với Lương Mắt L, kết luận: Tại thời điểm giám định trên cơ thể ông Lương Mắt L không

còn dấu vết thương tích, không xếp tỷ lệ phần trăm. Không có căn cứ xác định vật gây thương tích. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 00%.

Tại Bản Kết luận giám định độ tuổi trên người sống số: 320/KLGĐĐT-TTPYCT ngày 07/6/2023 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế Cần Thơ đối với Lê Qui X, kết luận: Lê Qui X có độ tuổi là 17 năm 03 tháng đến 17 năm 09 tháng (tại thời điểm giám định ngày 05/6/2023).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 186/2023/HS-ST ngày 08/11/2023, Tòa án nhân thành phố Cà Mau đã quyết định:

- Về trách nhiệm hình sự:

+ Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đ 09 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích";

+ Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo X 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích".

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Buộc bị cáo Đ tiếp tục bồi thường cho ông Lương Văn T2 số tiền 11.000.000 đồng;

+ Buộc bị cáo X tiếp tục bồi thường cho ông Lương Văn T2 số tiền 4.000.000 đồng và bồi thường cho anh Lương Mắt L số tiền 1.681.000 đồng. Ông Lê Văn Th2 và bà Đỗ Mỹ D có trách nhiệm bồi thường số tiền nêu trên cho ông T2, anh L thay cho bị cáo X.

- Ngày 14/11/2023, bị cáo X kháng cáo xin được hưởng án treo, bị cáo không có trách nhiệm bồi thường dân sự cho anh L 1.681.000 đồng.

- Ngày 20/11/2023, bị cáo Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 22/11/2023, bị hại T2 kháng cáo tăng mức hình phạt đối với bị cáo Đ và bị cáo X. Yêu cầu bị cáo Đ và bị cáo X phải bồi thường cho ông tiền chi phí ăn uống trong những ngày nằm viện, tiền thuốc men, tiền điều trị vết thương số tiền 20.000.000 đồng và tiền tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm 30 tháng lương cơ sở tương đương với số tiền 54.000.000 đồng, tổng số tiền bồi thường là 74 triệu đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo và bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và của bị hại, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 186/2023/HS-ST ngày 08/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau về phần hình phạt và phần trách nhiệm dân sự.

- Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo X trình bày: Bị cáo có nhân thân tốt, đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo X cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định, không buộc bị cáo phải bồi thường cho anh L số tiền 1.681.000 đồng và bác kháng cáo của bị hại T2.

- Lời nói sau cùng của bị cáo Đ: Thừa nhận hành vi phạm tội, xin lỗi bị hại và xin giảm nhẹ hình phạt.

- Lời nói sau cùng của bị cáo X: Thừa nhận hành vi phạm tội, xin lỗi bị hại và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, cụ thể như sau: Vào khoảng 16 giờ 30 ngày 06/01/2023, tại ấp G, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau, Bùi Ngọc Đ và Lê Qui X có hành vi dùng cây gỗ đánh ông Lương Văn T2 gây thương tích. Trong đó, bị cáo Đ đánh vào vùng đầu của bị hại; bị cáo X đánh vào vùng mông, tay của bị hại. Kết quả giám định xác định ông T2 bị tổn thương cơ thể 4%. Với các tình tiết này, Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau đã xét xử các bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo không có câu kết bàn bạc chặt chẽ trước khi phạm tội nên thuộc trường hợp giản đơn. Các bị cáo cùng thực hiện hành vi gây thương tích cho bị hại. Các bị cáo gây thương tích cho bị hại là trái pháp luật, phạm tội thì phải bị xử lý và chịu hình phạt theo pháp luật hình sự.

[3] Đối với bị cáo Đ: Khi xét xử, cấp sơ thẩm có xem xét, đánh giá tính chất của vụ án, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng cho bị cáo, gồm:

[3.1] Về tình tiết giảm nhẹ: Đã khắc phục được một phần thiệt hại; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu và Th2 trường hợp ít nghiêm trọng;

[3.2] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo xúi giục bị cáo X là người dưới 18 tuổi phạm tội.

[3.3] Với các tình tiết nêu trên, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 tháng tù là tương xứng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo là lao động chính trong gia đình, nuôi mẹ già và 02 con nhỏ. Tuy nhiên, các tình tiết giảm nhẹ này cũng không làm thay đổi mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã quyết định đối với bị cáo.

[4] Đối với bị cáo X:

[4.1] Về phần hình phạt: Khi xét xử, cấp sơ thẩm có xem xét, đánh giá tính chất của vụ án, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, gồm: Đã khắc phục được một phần thiệt hại; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Từ đó, xử phạt bị cáo 06 tháng tù là có phần nghiêm khắc. Bởi bị cáo là người chưa thành niên phạm tội, có kiến thức pháp luật hạn chế do trình độ học vấn thấp. Bị cáo bị bị cáo Đ xúi giục phạm tội. Các tổn thương trên đầu bị hại có tỷ lệ % không phải do bị cáo gây ra. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, căn cứ khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4.2] Về phần trách nhiệm dân sự: Bị cáo không đồng ý bồi thường cho anh L số tiền 1.681.000 đồng vì cho rằng không có đánh anh L. Tuy nhiên, quá trình điều tra, bị cáo thừa nhận có cầm cây đánh và câu vật với anh L (bút lục số 126). Lời khai này phù hợp với lời khai của bị cáo Đ (bút lục số 136), của anh L (bút lục số 160-161) và của người làm chứng (bút lục số 130-131; 166-167). Kết quả giám định xác định anh L không bị tổn thương cơ thể. Anh L có điều trị bệnh tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Cà Mau và có yêu cầu bị cáo bồi thường (bút lục số 196, 215, 218-243). Từ đó, cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường chi phí điều trị cho anh L số tiền nói trên là phù hợp.

[5] Đối với ông Lương Văn T2:

[5.1] Về kháng cáo tăng hình phạt: Do giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Xếch, trong khi ông T2 không cung cấp được tình tiết tăng nặng mới, nên không chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt của ông T2.

[5.2] Về kháng cáo tăng mức bồi thường thiệt hại:

Cấp sơ thẩm ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại về việc các bị cáo đồng ý bồi thường cho ông T2 20 triệu đồng gồm chi phí điều trị, chi phí đi lại, chi phí ăn uống với tổng số tiền là 20 triệu đồng.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông T2 kháng cáo yêu cầu các bị cáo phải bồi thường chi phí ăn uống trong những ngày nằm viện, tiền thuốc men, tiền điều trị vết thương số tiền 20.000.000 đồng và tiền tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm 30 tháng lương cơ sở tương đương với số tiền 54.000.000 đồng, tổng số tiền bồi thường là 74 triệu đồng. Nhưng không cung cấp chứng từ mới. Trên cơ sở các hóa đơn, chứng từ điều trị bệnh do ông T2 cung cấp có trong hồ sơ đối chiếu với quy định của pháp luật dân sự, việc cấp sơ thẩm đã ghi nhận sự tự nguyện bồi thường 20 triệu đồng là đã vượt quá tổng số tiền mà theo pháp luật dân sự, người bị thiệt hại về sức khỏe được bồi thường. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông T2.

[6] Với các phân tích nêu trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau, ý kiến của Trợ giúp viên pháp lý tại phiên tòa được chấp nhận một phần.

[7] Do không chấp nhận kháng cáo, nên bị cáo Đ phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị hại T2 là người cao tuổi và có yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe nên được miễn nộp án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Do sửa án sơ thẩm về phần hình phạt, nên bị cáo X không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo X phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[9] Các phần khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo hoặc bị kháng nghị, đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Ngọc Đ, Lê Qui X và của bị hại ông Lương Văn T2; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 186/2023/HS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau về phần hình phạt đối với bị cáo X.

2. Về trách nhiệm hình sự:

2.1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Ngọc Đ 09 (chín) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án;

2.2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và các điều 91 và 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Qui X 04 (bốn) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự:

3.1. Buộc bị cáo Bùi Ngọc Đ tiếp tục bồi thường cho ông Lương Văn T2 số tiền 11.000.000 (mười một triệu) đồng.

3.2. Buộc bị cáo Lê Qui X tiếp tục bồi thường cho ông Lương Văn T2 số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng và bồi thường cho anh Lương Mắt L số tiền 1.681.000 (một triệu sáu trăm tám mươi mốt nghìn) đồng. Ông Lê Văn Th2 và bà Đỗ Mỹ D có trách nhiệm bồi thường số tiền nêu trên cho ông T2, anh L thay cho bị cáo X.

4. Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2035/UBTVQH14 ngày 30/12/2035 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

4.1. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Đ phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng; Ông T2 được miễn nộp.

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị cáo X phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; Ông T2 được miễn nộp.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân tp Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân tp Cà Mau;
- Công an tp Cà Mau;
- Chi cục THADS tp Cà Mau;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa HS, án văn, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Trọng Quế